

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa các trang thiết bị y tế, bảo trì hệ thống ảo hóa máy chủ, mua sắm hóa chất xét nghiệm(theo phụ lục 01) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nộp bản chính (bản cứng) và bản mềm (lưu trên USB) đối với hóa chất xét nghiệm :
 - + 01 bản chính (bản cứng) bằng tiếng Việt có ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp các hãng sản xuất, các nhà cung cấp theo mẫu phụ lục đính kèm(Phụ Lục 02).
 - + Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan (nếu có).
- Địa điểm nộp báo giá: Gửi qua văn thư của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, số 29 Nguyễn Bình Khiêm - phường Nguyễn Du - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.
- Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày
Từ ngày 06 / 09 / 2024 đến hết 17h ngày 17 / 09 / 2024
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực
Mọi thông tin cần giải đáp vui lòng liên hệ số điện thoại: 0243 8225331-PPhòng Vật tư-Thiết bị y tế (gặp đồng chí Phạm Lê Vân và đồng chí Phạm Văn Toàn.)

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư, PC,
Vật tư-TBYT.

GIÁM ĐỐC 

PGS.TS Vũ Nam

Phụ lục 01
Danh mục hàng hóa và bảo trì

Đính kèm thông báo số: 308/TB-BVYHCTTW ngày 06 tháng 9 năm 2024

Phần I: Sửa chữa, Bảo trì

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Dự kiến ngày hoàn thành thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hệ thống ảo hóa máy chủ của Bệnh viện	Dịch vụ cài đặt, nâng cấp phần mềm ảo hoá cho hệ thống máy chủ: 1. Cài đặt và cấu hình Proxmox 8.2: - Cấu hình mạng và lưu trữ cơ bản - Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống 2. Thực hiện di chuyển máy ảo sang Proxmox 8.2 3. Backup và khôi phục dữ liệu 4. Cấu hình thư mục chia sẻ: - Thiết lập hệ thống lưu trữ chia sẻ (ví dụ: NFS); Tối ưu hóa hiệu suất truy cập thư mục chia sẻ 5. Tối ưu hóa mạng ảo: - Cấu hình VLAN và mạng riêng ảo; Triển khai tường lửa và các chính sách bảo mật mạng; Tối ưu hóa hiệu suất mạng cho máy ảo	01	HT	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Hệ thống tán sỏi Laser ngược dòng Model: ACU-H2G	Hệ thống đang lỗi không sử dụng được	01	HT	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
3	Giường bệnh nhân	Bảo trì sửa chữa giường bệnh nhân(bao gồm giường 1 tay quay, giường 2 tay quay)	150	Cái	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

Phần 2: Hóa chất xét nghiệm

Số TT	Tên hóa chất	Hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
I-HÓA CHẤT MÁY TỔNG PHÂN TÍCH TẾ BÀO MÁU MÁY RUBY					
1		Diluid/Sheath 20L (TD)	Thùng 20L	58	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học celldyn Ruby
2		HGB /NOC LYSE 3800ml (TD)	Thùng	12	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học celldyn Ruby

3		WBC LYSE 3800ML(TD)	Thùng	55	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học celldyn Ruby
4		QC(quarity control)	Bộ	12	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học celldyn Ruby
5		ENZYMATIC CLEANER CONCENTRATE	Hộp	10	Dùng cho máy xét nghiệm huyết học celldyn Ruby

II-HÓA CHẤT CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU ACL ELITE

1		HemosIL APTT-SP(liquid)	Hộp	6	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
2		HemosIL Calibration Plasma	Hộp	1	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
3		HemosIL Cleaning solution	Hộp	5	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
4		HemosIL Cleaning Agent	Hộp	1	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
5		HemosIL factor diluent	Hộp	1	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
6		HemosIL high abnormal control assayed	Hộp	4	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
7		HemosIL low abnormal control assayed	Hộp	4	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
8		HemosIL normal control assayed	Hộp	4	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
9		HemosIL PT –Fibrinogen hs plus	Hộp	7	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
10		HemosIL Wash - RE mulsion	Hộp	26	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE
11		Rotor	Thùng	3	Dùng cho máy xét nghiệm đông máy ACL ELITE

III-HÓA CHẤT MÁY SINH HÓA SIEMEN DIMESION

1		DM Revised Glucose Flex PD	4 Flex	6	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
2		Dimenpion(GPT) PD	4 Flex	14	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
3		Dimenpion (GOT) PD	4 Flex	9	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
4		GGT/Glutamyl Trans PD	4 Flex	10	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
5		Rev Dim Amylase Flex PD	4 Flex	6	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
6		Creatinine Rev PD	4 Flex	6	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
7		ALB/Albumin PD	4 Flex	4	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
8		Bun/Urea Nitrogen PD	4 Flex	5	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
9		CHOL/CHOLESTEROL PD	8 Flex	6	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION

10		Revised Triglyceride Flex PD	4 Flex	6	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
11		DM Revised AHDL Flex PD	8 Flex	9	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
12		Sat PD	4 Flex	5	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
13		CKI/Creatine Kinase code PD	4 Flex	5	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
14		MBI/ creatine	4 Flex	10	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
15		TP/total Protein PD	4 Flex	4	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
16		Urca/Uric Acid PD	8 Flex	5	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
17		CA/Calcium revised PD	8Flex	5	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
18		Tbil/total bilirubin PD	8 Flex	3	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
19		Dbil/Direct Bilirubin code PD	8 Flex	4	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
20		DM Chem I Calibrator	2 x 3 lọ x 2 ml	2	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
21		DM Chem II Calibrator	2 x 3 lọ x 1,2 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
22		DM AHDL Calibrator PD	2 x 3 lọ x 1 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
23		DM Iron Calibrator PD	2 x 3 lọ x 2 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
24		DM Cholesterol Calibrator PD	2 x 3 lọ x 1 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
25		DM Tbil/Dbil Calibrator PD	2 x 3 lọ x 1 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
26		Total Protein/Albumin Calibrator PD	2 x 3 lọ x 2 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
27		Enzyme Verifier PD	2 x 3 lọ x 2 ml	2	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
28		Dimesion CKI/MBI Calibrator PD	2x2.2ml/2x3.2 ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
29		Enzyme II calibrator for ALTI PD	3x2ml	1	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
30		Assayed Chemistry Level 2	20x5ml	2	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
31		Assayed Chemistry Level 3	20x5ml	2	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
32		CHK	8 Flex	2	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION

33		Cuvette Cartridge	1 cuvette	20	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa DIMENSION
IV-HÓA CHẤT MÁY SINH HÓA AU680					
1		Wash Solution	Bình	25	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
2		a-Amylase-Direc	Lọ	24	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
3		Alanine Aminotransferase(ALT/G PT)	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
4		Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
5		Albumin	Hộp	15	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
6		Bilirubin(Direc)	Hộp	15	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
7		Bilirubin(Total)	Hộp	15	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
8		Biochemistry Calibrator	Hộp	04	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
9		Biochemistry Control Serum Human I	Hộp	06	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
10		Biochemistry Control Serum Human II	Hộp	06	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
11		Cholesterol	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
12		Cholesterol HDL Direc	Hộp	30	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
13		CK-MB Control Serum	Hộp	03	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
14		Creatine Kinase(CK)	Hộp	25	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
15		Creatine Kinase(CK-MB)	Hộp	25	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
16		Creatinine	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
17		Iron-Ferrozine	Hộp	12	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
18		Protein(Total)	Hộp	15	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
19		Urea/Bun-UV	Hộp	25	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
20		Calcium-Arsenazo	Hộp	20	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
21		Uric Acid	Hộp	32	Dùng cho máy xét nghiệm

					sinh hóa AU680
22		y-Glutamyl Transferase(y-GT)	Hộp	30	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
23		Cholesterol HDL/LDL Calibrator	Hộp	03	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
24		Glucose	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
25		Triglycerides	Hộp	40	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU680
V-HÓA CHẤT MÁY ĐIỆN GIẢI 3 THÔNG SỐ					
1		Hộp dd điện giải Na/K/Cl	Hộp	12	
2		DAILY RINSE KIT	Hộp	06	
VI-HÓA CHẤT MÁY ĐIỆN GIẢI 4 THÔNG SỐ					
1		Hộp dd điện giải Na/K/Ca/pH	Hộp	12	
2		DAILY RINSE KIT	Hộp	06	
XIII- HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH ACCESS 2					
1		Access LH	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
2		Access LH Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
3		Access FSH	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
4		Access FSH Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
5		Access PSA FREE	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
6		Access PSA FREE Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
7		Access CA 12-5	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
8		Access CA 12-5 Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
9		Access CA 15-3	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
10		Access CA 15-3 Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
11		Access CA 19-9	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2

12		Access CA 19-9 Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
13		Access Insulin	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
14		Access Insulin Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
15		Access Cortisol	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
16		Access Cortisol Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
17		Access hsTnI	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
18		Access hsTnI Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
19		Access TSH	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
20		Access TSH Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
21		ACCESS Total T3	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
22		ACCESS Total T3 Calibrator	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
23		Access Free T4	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
24		Access Free T4 Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
25		Access CEA	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
26		Access CEA Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
27		Access AFP	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
28		Access AFP Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
29		Access PCT	Hộp	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
30		Access PCT Calibrators	Hộp	04	Sử dụng cho máy xét

					nghiệm miễn dịch Access 2
31		Access IL6	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
32		Access IL6 Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
33		Access PRL(Prolactin)	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
34		Access PRL(Prolactin) Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
35		Access Progesterol	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
36		Access Progesterol Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
37		Access Testosterol	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
38		Access Testosterol Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
39		Access Ferritin	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
40		Access Ferritin Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
41		Access Folate	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
42		Access Folate Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
43		Access Vitamin B12	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
44		Access Vitamin B12 Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
45		Access BNP	Hộp	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
46		Access BNP Calibrators	Hộp	04	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
47		Access Myoglobin	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
48		Access Myoglobin Calibrators	Hộp	06	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2

49		Access 25(OH)Vitamin D	Hộp	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
50		Access 25(OH)VitaminD Calibrators	Hộp	04	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
51		Access Immunoassay System Reaction Vessels	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
52		Access Wash Buffer II	Thùng	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
53		Access Substrate	Hộp	15	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
54		ACCESS SAMPLE DILUENT A	Hộp	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
55		Citranox	Bình	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
56		Contrad 70	Bình	10	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
57		Access System Check Solution	Hộp	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
58		MAX Omni IMMUNE 1	Lọ	15	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
59		MAX Omni IMMUNE 2	Lọ	15	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
60		MAX Omni IMMUNE 3	Lọ	15	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
61		Access RV	Thùng	20	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
62		Cup 0,5 μ L	Túi	03	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2
63		Cup 2 μ L	Túi	05	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo thông báo số /TB-BVYHCTTW ngày tháng năm 2024)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện y học cổ truyền trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện y học cổ truyền Trung ương, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà
cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ
của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế

STT	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)	Giá kê khai
1	Trang thiết bị A									
2	Trang thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên
quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể
số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày
....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu
báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu
tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của
pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của
pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.